

ĐẠI THỪA CHỈ QUÁN PHÁP MÔN

QUYỂN 1

Là Khúc Thọ Tâm Yếu của Thiên sư Nam Nhạc Tư Đại.

Có người hỏi Sa-môn rằng: Bẩm tánh tư chất nhờ tu mà khác, chỉ do thọ khéo chạm khắc, mà thành vật chẳng phải một. Ta nghe Đại đức thông suốt lý rốt ráo soi rõ tông mầu nhiệm rộng lớn nên vì khuyên tu mà mong được nghe chánh pháp. Sa-môn nói: Tôi thuở nhỏ tuy đã nhiễm Đạo phong nhưng ít dùng Đạo vị, chỉ là kẻ hạ ngu khó dạy, hành lý chưa đủ. Nay Nhục Tử hỏi thì biết gì mà nói. Người ấy nói: Cúi mong Đại đức không nài nhọc mệt mà nói cho nghe pháp hạnh Đại thừa, xin kính trọng vâng làm, chẳng dám quên mất. Sa-môn bảo: Lành thay Phật tử, nếu phát tâm Vô thượng thích nghe pháp hạnh Đại thừa, nay ông đã vượt bỏ cảnh giới Nhị thừa hướng là muốn nghe để thực hành ư? Song tuy phát tâm tốt mà mục đích là thực hành thì nói thành đức. chỉ vì pháp làm có muôn khác mà vào đạo chẳng phải một. Nay lại y theo kinh luận nói lược cho ông nghe về hai môn Chỉ quán của Đại thừa, ông nay y theo pháp này có thể hoàn thành được ước nguyện. Người ấy nói: Lành thay, xin nói để thỏa mãn ý tôi mà cũng khiến giúp cho người khác xoay vẫn được lợi ích, được như thế thì truyền đăng chẳng dứt, báo ân Đức Phật.

Sa-môn nói: Hãy lắng nghe! khéo theo nhiếp! ta sẽ ông nói cho nghe. nói Chỉ, là biết tất cả các pháp từ xưa đến nay, tánh nó chẳng thật có, chẳng sinh chẳng diệt, chỉ vì nhân duyên luống dối nên chẳng thật có mà có, song nó có pháp, có tức chẳng phải có, chỉ là một tâm thể không phân biệt. Người quán nó là khiến cho vọng niệm chẳng lưu thông, nên gọi là Chỉ. Nói Quán, tuy biết xưa chẳng sinh nay chẳng diệt, nhưng nếu dùng tâm tánh duyên khởi thì đều là luống dối thế gian cũng như huyền mộng, chẳng thật có mà có, nên gọi là Quán.

Người ấy nói: Tôi hiểu biết yếu kém, nghe đây chưa thể liền ngộ ngay, xin dùng phương tiện mà chỉ bày. Sa-môn nói: Vậy tà mạng sẽ phân biệt rộng cho ông nghe, cũng giúp cho người chưa nghe tìm đọc

mà ngộ. Từ rộng mà phân biệt thì trong Chỉ quán có năm phen lập thành: Một là nói y chỉ của chỉ quán; hai là nói cảnh giới của chỉ quán; ba là nói thể trạng của chỉ quán; bốn là nói chỗ dứt được của chỉ quán; năm là nói tác dụng của chỉ quán.

1. Y chỉ của chỉ quán, lại có ba: 1- Chỗ y chỉ là gì; 2- Vì sao phải y chỉ; 3- Lấy gì để y chỉ.

1- Chỗ y chỉ là gì, tức y chỉ vào một tâm để tu chỉ quán. Trong đó lại có ba thứ khác nhau: Một là các tên; hai là giải thích tên nghĩa; ba là nói về thể trạng.

a) Nêu các tên: Tâm này tức là tâm tự tánh thanh tịnh, lại gọi là chân như, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi Pháp thân hay Như Lai tạng, hay Pháp giới, hay Pháp tánh v.v..... các tên như thế có vô lượng vô biên, nên nói là các tên.

b) Nói về danh nghĩa. Thế nào là tâm tự tánh thanh tịnh? Đáp: Tâm này từ vô thủy đến nay tuy bị pháp nhiễm vô minh che lấp mà tánh tịnh không đổi, nên gọi là Tịnh. Vì sao? Vì pháp nhiễm vô minh xưa nay lìa tâm. Thế nào là lìa, nghĩa là vì thể vô minh là không pháp có, tức chẳng thật có. Vì chẳng thật có nên không thể tương ứng với tâm. Nên gọi là lìa. Đã không có pháp nhiễm vô minh để tương ứng, nên gọi là Tánh tịnh, trong thật vốn giác nên gọi là Tâm, nên gọi là Tự tánh thanh tịnh tâm.

Thế nào là Chân như? Đáp: Tất cả các pháp nương tâm này mà có, lấy tâm làm thể, hướng về các pháp, pháp đều lống đối, có tức chẳng thật có. Đối lại với pháp lống đối gọi là Chân. Lại các pháp chẳng thật có, chỉ vì nhân duyên lống đối mà có tướng sinh diệt. Song khi pháp lống đối ấy sinh thì tâm này chẳng sinh, khi các pháp diệt thì tâm này chẳng diệt. Chẳng sinh nên chẳng thêm, chẳng diệt nên chẳng bớt, vì chẳng sinh chẳng diệt chẳng tăng chẳng bớt, nên gọi là Chân. Chư Phật ba đời cho đến chúng sinh đồng một tịnh tâm này làm thể. Các pháp phàm Thánh tự có tướng lạ khác nhau, mà chân tâm này không tướng không khác, nên gọi là Như. Lại chân như, là vì tất cả pháp chân thật như thế, chỉ là mười tâm, nên gọi mười tâm này là Chân như. Nếu ngoài tâm có pháp, tức chẳng phải chân thật, cũng chẳng như thế, tức là tướng nguy khác. Cho nên luận Khởi Tín chép: Tất cả các pháp từ xưa đến nay lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có sai khác, chẳng thể phá hoại, chỉ là một tâm, nên gọi là Chân như. Vì nghĩa này nên tâm tự tánh thanh tịnh còn gọi là chân như.

Vì sao gọi tâm này là Phật tánh? Đáp: Phật là Giác, tánh gọi là tâm, vì thể của tịnh tâm này chẳng phải không giác nên gọi là Giác tâm. Sao biết chân tâm này chẳng phải không giác. Đáp: Chẳng giác tức là Vô minh trụ địa. Nếu tịnh tâm này là vô minh thì chúng sinh thành Phật, khi vô minh diệt thì sẽ không có chân tâm. Vì sao? Vì tâm là vô minh, đã là vô minh tự mất thì tịnh tâm tự tại, cho nên biết tịnh tâm chẳng phải không giác. Lại chẳng giác diệt rồi thì mới chứng được tịnh tâm, nên biết tâm không phải chẳng giác. Hỏi: Sao không dùng tự thể là giác gọi đó là giác mà dùng chẳng phải chẳng giác gọi là Giác? Đáp: Tâm thể bình đẳng chẳng phải giác, chẳng phải chẳng giác. Chỉ vì nói Như Như Phật nên đối với đó mà nói Giác. Cho nên kinh nói tất cả không có Niết-bàn, không có Niết-bàn Phật, không có Phật Niết-bàn, xa lìa năng giác sở giác, hoặc có hoặc không có, cả hai đều lìa. Đây là nói riêng về tâm thể bình đẳng, nếu nói giác theo tâm pháp dụng nghĩa, thì tâm thể này đủ ba thứ Đại trí, đó là trí vô sư, trí Tự nhiên, trí Vô ngại; là giác tâm thể ấy vốn có ba trí tánh này, nên đem tâm này làm giác tánh, cho nên phải biết nghĩa đồng và khác. Thế nào là đồng, nghĩa là tâm thể bình đẳng tức là trí giác, Trí giác tức là tâm thể bình đẳng, nên nói là Đồng. Lại thế nào là khác, tức nghĩa bản giác là dụng, ở phàm thì gọi là Phật tánh, cũng gọi là ba thứ trí ra khỏi chướng, gọi là trí tuệ Phật, nghĩa tâm thể bình đẳng là thể, cho nên phàm Thánh chẳng hai, chỉ gọi là Như Như Phật. Thế nên nói khác phải như thế mà biết. Hỏi: Trí tuệ Phật là giác được tịnh tâm nên gọi là Phật, hay tịnh tâm tự giác nên gọi là Phật? Đáp rằng: Có đủ hai nghĩa: Một là giác tịnh tâm, hai là tịnh tâm tự giác. Tuy nói hai nghĩa nhưng thể nó chẳng khác. Nghĩa này thế nào? Nghĩa là tất cả chư Phật khi xưa còn là phàm phu thì tâm nương vào huân biến bất giác tự huân mà hiển hiện hư trạng. Hư trạng tức là năm Ấm và sáu trần của phàm phu, cũng gọi là Tợ thức, tợ sắc, tợ trần. Tợ thức tức là thức thứ sáu, thứ bảy. Do tợ thức này khi khởi niệm niệm tức chẳng biết rõ pháp tợ sắc, chỉ là tâm làm tướng luống dối không thật. Vì chẳng biết rõ nên vọng chấp tướng luống dối cho là sự thật. Khi vọng chấp thì huân trở lại tịnh tâm. Song tợ thức là nghĩa chẳng biết, tức là quả khi vô minh cũng gọi là mê cảnh vô minh. Cho nên kinh nói ở trong duyên mà si, cho nên tợ thức là nghĩa vọng chấp, tức là cảnh vọng tưởng mà chấp, liền thành cảnh giới vọng. Vì khi là quả vị vô minh huân tâm nên khiến tâm chẳng giác, tức là khi chết vô minh cũng gọi là Trụ địa vô minh, vì vọng tưởng huân tâm nên khiến tâm biến động, tức là nghiệp thức. Vì vọng cảnh huân tâm nên khiến thành hạt giống tợ trần, vì tợ thức

huân tâm nên khiến tâm thành hạt giống tợ thức. Hai thứ hạt giống tợ trần, tợ thức này gọi chung là hạt giống hư tạng. Nhưng quả thời vô minh này tuy nói đều huân khởi riêng một pháp, nhưng phải đủ thời gian (đồng thời) hòa hợp mới huân được. Vì sao? Vì chẳng lìa nhau, nhờ nhau mà có. Nếu không có tợ thức thì không có quả thời vô minh. Nếu không có vô minh thì tức không vọng tưởng. Nếu không vọng tưởng thì chẳng thành vọng cảnh. Cho nên bốn thứ câu thời hòa hợp thì mới có hiệu quả hư tạng. Vì sao? Vì chẳng lìa nhau. Lại hạt giống hư tạng nương vào Tý thời vô minh kia mà trụ. Lại nữa, hạt giống hư tạng không thể một mình mà hiện quả. Nếu không có tý thời vô minh tức là không có nghiệp thức. Nếu không có nghiệp thức tức là hạt giống hư tạng không thể hiện thành quả. Cùng tức là tự thể chẳng lập. Cho nên hòa hợp mới hiện quả hư tạng, trong quả hư tạng lại có tợ thức, tợ trần vô minh luống đối vọng chấp. Do nghĩa này nên nói lược là chẳng giác, động hiển hiện hư tạng. Như thế quả tử sinh nhau từ vô thủy trôi lăn gọi là Chúng sinh. Sau gặp bạn lành nói các pháp cho nghe, đều một tâm làm dường như có không, thật nghe pháp này rồi thuận theo tu hành, dần biết các pháp đều từ tâm làm, chỉ luống (đối) mà không thật. Nếu hiểu đây thành thì quả thời vô minh liền diệt. Vì vô minh diệt nên chẳng chấp hư tạng làm thật, tức là vọng tưởng và vọng cảnh mất. Khi ấy, ý thức đổi gọi là trí Vô trần, vì biết trần không thật thấy có tướng luống đối, có tức chẳng thật có, xưa tánh chẳng sinh, nay tức chẳng diệt, chỉ là một tâm. Vì chẳng biết lý này nên cũng gọi là tý thời vô minh, cũng gọi là Mê lý vô minh, chỉ sâu kín hơn mê Sự vô minh ở trước, vì thô kia diệt nên nói quả thời vô minh diệt. Lại, chẳng chấp hư tạng là thật nên nói vọng tưởng diệt mất. Cũng thấy có tướng luống đối, gọi là có dị tâm (tâm khác lạ). Chấp này cũng là vọng tưởng, nên gọi là tướng luống đối, nhưng sâu kín hơn trước. Vì thô ấy diệt nên nói vọng tưởng diệt. Lại hư cảnh này vì có vô minh sâu kín vọng tưởng đã chấp nên giống với tướng dị tâm, tướng chẳng phải một (quên?) Tức là vọng tưởng, nhưng sâu kín hơn trước. Vì sâu kín ấy nên gọi là cảnh luống đối. Lại tướng thô thật chấp ấy diệt, nên nói là cảnh vọng tưởng. Nói theo đây thì không quả thời mê sự vô minh diệt hết, vô minh trụ địa cũng trừ bớt một phần nhỏ. Nếu chẳng trừ dần từng phần, là quả thời vô minh chẳng được dần diệt từng phần, nó chỉ yếu kém khó bày ra (khó thấy), nên chẳng nói trụ địa phần diệt, nay lại y cứ Mê sự vô minh diệt rồi nói trụ địa diệt dần. Do biết một niệm phát tu đến nay thì cũng có thể diệt dần. Nghĩa này thế nào? Tức là hai nghĩa nhân duyên, trụ địa vô minh nghiệp thức, v.v...

dần yếu mỏng rồi. Hai nghĩa là sao? Một là biết cảnh luống dối, trí huân tâm, cho nên khiến vô minh trụ địa cũ tập khí và nghiệp thức, v.v... dần dần diệt trừ. Vì sao? Vì trí là minh, mà pháp tánh hay trí vô minh; hai là vô minh sâu kín hư chấp và hư cảnh huân tâm. Tuy lại khởi vô minh trụ địa v.v... nhưng lại nhẹ yếu, chẳng đồng với cảnh mê ở trước đã huân khởi. Vì sao? Vì năng huân vi sâu kín, nên chỗ khởi chẳng giác cũng mỏng. Vì nghĩa này, nên trụ địa vô minh nghiệp thức, v.v... dần dần diệt mất. Nếu mê sự vô minh diệt rồi, thì có nghĩa này. Phải biết khi một niệm đầu tiên phát tu thì vô minh trụ địa liền phân biệt (diệt từng phần), trí tuệ sinh khởi thêm sáng từng phần, cho nên được quả thời mê sự vô minh diệt, từ mê sự vô minh diệt rồi thì nghiệp thức và trụ địa vô minh dần mỏng, cho nên chỗ khởi hư trạng quả báo, cũng chuyển khinh diệu, chẳng đồng với trước. Vì nghĩa ấy nên tự thức dần dần chuyển sáng, các pháp tự sắc lại chẳng làm cho ý thức sinh mê, vì nội thức sinh sắc trần bên ngoài đều bén nhạy nên trí vô trần càng sáng. Vô minh vọng tưởng cực mỏng lại còn huân tâm, lại khiến cho trụ địa vô minh nghiệp thức, tập khí dần sắp hết mà hiện ra, Trí vô trần lại càng sáng, hiểu rõ như thế, niệm niệm chuyển chuyển huân tập, cho nên trụ địa vô minh sắp hết khởi lên, thì trí vô trần liền biết được quả báo hư trạng kia thể tánh chẳng thật có, xưa tự chẳng sinh nên nay chẳng diệt. Chỉ là một tâm thể không phân biệt, vì ngoài tâm không có pháp, nên trí này tức là trí Kim cương vô ngại. Trí này thành rồi liền lại huân tâm. Tâm là trí sáng huân nên tức một niệm vô minh tập khí ở đây liền diệt. Vô minh hết rồi nên nghiệp thức nhiễm pháp hạt giống tập khí cũng tùy theo hoại hết. Nên kinh chép: Địa ấy hoại thì cũng hoại theo, tức là nghĩa ấy. Hạt giống tập khí hoại, nên hư trạng mất hẳn, vì hư trạng mất nên tâm thể vắng lặng chiếu soi, gọi là thể chứng chân như. Vì sao? Vì không có pháp khác mà chứng, tức là vắng lặng chiếu soi không có năng chứng, sở chứng khác nhau, nên gọi là trí Vô phân biệt. Vì sao? Vì ngoài trí này không có chân như riêng để phân biệt. Đây tức là tâm hiển thành trí, trí là dụng của tâm, tâm là thể của trí. Thể và dụng là một pháp, tự tánh không hai, nên gọi là tự tánh thể chứng. Giống như trong nước yên mà chiếu, chiếu và nhuần nghĩa khác mà thường vắng lặng. Vì sao? Vì chiếu và nhuần là nhuần chiếu, tâm cũng giống như thế. Tịch chiếu nghĩa phân mà thể dụng chẳng hai. Vì sao? Chiếu tịch là chiếu tịch, chiếu tịch là thuận thể, tịch chiếu là thuận dụng, chiếu tự thể gọi là giác, đối với tự thể tâm tịnh mà tự chiếu thì gọi là tâm tịnh, vì tự giác nên nói hai nghĩa một thể, đây tức là dùng trí vô phân biệt làm giác. Tịnh tâm là từ xưa nay đã có các thứ này, trí

tánh chẳng thêm chẳng bớt, nên dùng tịnh tâm làm Phật tánh. Đây là đối với trí tuệ Phật để nói tịnh tâm làm Phật tánh. Lại tịnh tâm này tự thể đầy đủ tánh phước đức và tánh hảo dụng, lại là tịnh nghiệp được huân sinh ra hai Phật báo ứng, cho nên dùng tâm này làm Phật tánh. Lại bất giác diệt rồi thì lấy tâm làm giác. Nghĩa động đã dứt nên nói tâm chẳng động, tướng luống dối đã mất nên nói tâm vô tướng. Nhưng tâm thể này chẳng phải giác, chẳng phải chẳng giác, chẳng phải động chẳng phải chẳng động, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng. Tuy nhiên vì chẳng giác diệt nên nói tâm là giác cũng không ngại gì. Ở đây là đối trị xuất chướng tâm thể để nói về giác, chẳng y cứ vào trí dụng làm giác. Lại còn tịnh tâm vốn không gì chẳng giác nên nói tâm là Bản giác. Vốn không biến động nên nói tâm Bản tịnh, vốn không có tướng luống dối nên nói tâm là Bản bình đẳng. Nhưng thể tâm ấy chẳng phải giác, chẳng phải chẳng giác, chẳng phải động không phải chẳng động, không phải tướng, chẳng phải không tướng, nhưng vì vốn không chẳng giác nên nói Bản giác thì cũng không lỗi gì. Đây là ở phàm Thánh chẳng hai để nói tâm thể là Như Như Phật. Bất luận tâm thể vốn có sẵn dụng của tánh giác. Hỏi: nếu y cứ vốn không có bất giác mà gọi là Giác, thì phàm phu tức là Phật, đâu cần phải tu đạo? Đáp: Nếu y cứ vào tâm thể bình đẳng thì vô tu và bất tu, thành và chẳng thành, cũng không có giác và bất giác. Chỉ vì nói Như Như Phật nên đối mà nói là giác. Lại nữa, nếu y cứ vào tâm thể bình đẳng, cũng không có chúng sinh, chư Phật và khác với tâm thể này, cho bài kệ trong kinh chép: Tâm Phật và chúng sinh. Ba thứ không khác nhau. Nhưng lại tâm tánh duyên khởi pháp giới pháp môn, pháp nhĩ chẳng hoại, cho nên thường bình đẳng và thường khác nhau, thường bình đẳng cho nên ba thứ tâm, Phật và chúng sinh không khác nhau. Thường khác nhau cho nên trôi lăn trong năm đường gọi là Chúng sinh. Ngược dòng tận nguồn nên gọi là Phật. Vì có nghĩa bình đẳng này nên không có Phật, không có chúng sinh. Vì nghĩa duyên khởi khác nhau nên chúng sinh phải tu đạo. Hỏi rằng: Vì sao biết được tâm thể vốn không có bất giác? Đáp: Nếu tâm thể vốn có bất giác thì khi bậc Thánh chứng tịnh tâm lẽ ra còn bất giác, phàm phu chưa chứng được lẽ ra là giác. Người đã thấy chứng không có bất giác, người chưa chứng không gọi là giác, nên nhất định biết tâm thể vốn không có bất giác. Hỏi: Bậc Thánh diệt bất giác nên tự chứng được tịnh tâm. Nếu không có bất giác thì sao nói là diệt. Lại nếu không có bất giác tức là không có chúng sinh? Đáp: Trước đã giải thích có tâm thể bình đẳng không phàm không Thánh, nên nói vốn không có bất giác, đều do tâm

tánh duyên khởi, nên có diệt có chứng, có phàm có Thánh. Chỉ chứng dùng thuận dụng nhập thể, tức không có bất giác, cho nên xét biết tâm thể vốn không có bất giác, chỉ vì phàm là trái dụng, một thể mà cho là khác. Cho nên chẳng được chứng biết thể bình đẳng. Hỏi rằng: Tâm hiển thành trí, là vô minh trần cho nên tự nhiên là trí hay là có nhân duyên khác? Đáp: Khi tâm này ô nhiễm vốn có hai tánh phước trí, chẳng thiếu một pháp, không khác với Phật. Chỉ vì bị pháp nhiễm vô minh che lấp nên chẳng được hiển dụng. Sau được hai thứ tịnh nghiệp phước trí đã huân, nên pháp nhiễm đều hết. Nhưng khi tịnh nghiệp này trừ nhiễm thì có thể hiển bày hai tánh kia khiến thành sự dụng, gọi đó là tướng tốt, y báo Nhất thiết trí, v.v... Trí thể tự là chân tâm tánh hay chiếu trí dụng do huân mà thành. Hỏi: Tâm hiểu thành trí, tức dùng tâm làm Phật tánh, tâm khởi bất giác cũng phải dùng tâm làm tánh vô minh? Đáp: Nếu nói theo nghĩa pháp tánh thì cũng được tánh Vô minh. Cho nên kinh nói; Minh và vô minh, tánh ấy không hai, tánh không hai tức là thật tánh.

Hỏi: Vì sao gọi tâm này là Pháp thân? Đáp: Pháp dùng công năng làm nghĩa, thân dùng y chỉ làm nghĩa. Vì tâm thể này có dụng theo nhiễm, hay nhiếp trì khí huân tập, lại hay y huân mà hiển hiện pháp nhiễm, tức tâm tánh này năng trì, năng hiện hai thứ công đức và sở trì, sở hiện hai thứ pháp nhiễm, đều nương vào một tâm này mà lập, chẳng phải một, chẳng phải khác với tâm. Nên gọi tâm là Pháp thân. Đây là công năng năng trì, hòa hợp với khí sở trì nên gọi là Tỷ thời thức A-lê-da. Công năng y huân hiện pháp hòa hợp với tướng sở hiện nên gọi là quả báo thức A-lê-da. Hai thức này thể một mà dụng khác. Nhưng trong A-lê-da này có hai phần: Một là phần nhiễm, tức là tướng nghiệp và quả báo; hai là phần tịnh, tức là tâm tánh và tịnh pháp năng huân gọi là phần tịnh. Vì tánh nhiễm ấy tức là tịnh tánh, không còn có pháp nào khác. Cho nên tâm tánh thanh tịnh này bị nghiệp quả nhiễm sự nương cậy nên nói sinh tử nương Như Lai tạng tức là Pháp thân tạng. Lại tâm thể này bị vô lượng pháp nhiễm che lấp, nhưng lại có đủ Hằng hà sa số công đức tánh pháp vô lậu, là vô lượng tịnh nghiệp được huân, cho nên tịnh tánh này nhiếp trì khí huân tập, lại nương vào huân mà hiển hiện dụng các công đức thanh tịnh, tức là Hằng sa tánh công đức thanh tịnh này và hai thứ công đức năng trì, năng hiện cùng hai thứ tịnh dụng sở trì, sở hiện, đều nương một tâm này mà lập, chẳng phải một chẳng phải khác với tâm, nên gọi tâm này là Pháp thân.

Hỏi: Vì sao gọi tâm này là Như Lai tạng? Đáp: Có ba nghĩa: Một là chứa giữ, nên gọi là Tạng; hai là chỗ chứa (kho) nên gọi là Tạng; ba

là sinh ra nên gọi là Tạng.

Nói chứa giữ, lại có hai thứ: Một là quả đức Pháp thân của Như Lai; hai là tánh đức tịnh tâm của chúng sinh, đều có công năng hay bao hàm gồm chứa hai tánh nhiễm tịnh và hai sự nhiễm tịnh mà không ngại. Nên nói chứa giữ gọi là Tạng. Thể của Tạng bình đẳng nên gọi là Như, bình đẳng duyên khởi gọi là Lai, ở đây là chứa giữ nên gọi là Như Lai tạng.

Hai là chỗ chứa giữ nên gọi là Tạng, đây là chân tâm mà bị vô minh che giấu, cho nên gọi là chỗ chứa thể của Tạng không khác vô tướng nên gọi là Như, thể đủ hai dụng nhiễm tịnh nên gọi là Lai.

Ba là sinh ra nên gọi là Tạng. Như thai tàng nữ có khả năng sinh con. Tâm này cũng như thế, thể có công dụng của hai tánh nhiễm tịnh, cho nên nương vào năng lực huân tập của hai thứ nhiễm tịnh mà sinh ra pháp thế gian và xuất thế gian. Cho nên kinh nói: Như Lai tạng là nhân của thiện và bất thiện. Lại kinh nói tâm tánh là một, làm sao có công năng sinh ra các thứ quả báo. Kinh lại nói: biển Chánh biến Tri của chư Phật từ tâm tướng mà sinh. Cho nên nhiễm tịnh bình đẳng thì gọi là Như, năng sinh ra nhiễm tịnh thì gọi là Lai. Cho nên năng sinh gọi là Như Lai tạng.

Hỏi: Vì sao gọi tịnh tâm là pháp giới? Đáp: Pháp là pháp nhĩ (pháp như thế), giới là tánh riêng. Vì tâm thể pháp nhĩ này đầy đủ tất cả các pháp nên gọi là Pháp giới.

Hỏi: Vì sao gọi tịnh tâm này là Pháp tánh? Đáp: Pháp là tất cả pháp, tánh là thể riêng, vì tịnh tâm này có tánh khác nhau, có công năng làm thể của các pháp. Lại Tánh là thể thật chẳng đổi, vì tất cả pháp đều dùng tâm này làm thể. Tướng các pháp tự có sinh diệt nên gọi là lống đối. Tâm này chân thật chẳng đổi chẳng diệt, nên gọi là Pháp tánh. Ngoài ra có vô lượng tên gọi khác như thật tế, thật tướng, không thể giải thích hết.

c) Nói về thể của tạng. Nói thể của tạng lại có ba: Một là nêu lìa tướng để nói tịnh tâm; hai là nêu chẳng phải một chẳng phải khác để nói về pháp tánh; ba là nêu hai thứ Như Lai tạng mà nói về chân như. Tuy có ba thứ khác nhau nhưng đều nói về thể trạng của tịnh tâm.

1. Nói lìa tướng, tâm này tức là đệ nhất nghĩa đế chân như tâm, tự tánh viên dung, thể đủ đại dụng, chỉ có tự giác Thánh trí biết được, tình lượng không thể lường biết. Cho nên nói đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt (dứt nói năng, dứt nghĩ ngợi) chẳng thể gọi tên, chẳng thể nói tướng. Vì sao? Vì tâm thể lìa danh tướng. Thể đã lìa danh tức chẳng thể

lập danh mà nói thể. Tâm đã dứt tướng, thì chẳng thể y cứ tướng mà nói về tâm. Vì thế nay muốn nói về thể trạng của nó thật cũng rất khó. Chỉ có thể nói tướng nó đã lìa, phản tướng diệt tướng mà tự khế hợp. Nói tâm này từ xưa đến nay lìa tất cả tướng, bình đẳng vắng lặng, chẳng phải có tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng vô tướng, chẳng phải cũng có tướng, chẳng phải cũng vô tướng, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải thượng trung hạ, chẳng phải kia, chẳng phải đây, chẳng tịnh chẳng loạn, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng sáng chẳng tối, chẳng phải một chẳng phải khác. Tất cả bốn pháp cú nói chung, cho đến chẳng phải tất cả pháp có thể nói có thể nghĩ, cũng chẳng phải chẳng thể nói chẳng thể nghĩ. Vì sao? Vì chẳng thể nói, chẳng thể niệm thì đối đãi với có thể nói, có thể nghĩ mà sinh ra pháp chẳng phải tự thể tức chẳng phải tịnh tâm. Cho nên chỉ biết chỗ có thể nói, có thể nghĩ và pháp chẳng thể nói chẳng thể nghĩ, v.v... đều không phải là tịnh tâm, chỉ là hư tướng của tịnh tâm hiện ra. Song tướng luống dối này đều không tự thật có, tức chẳng thật có. Tướng không thật có cũng không thể (giữ), vì sao? Vì có vốn thật có, nếu có vốn chẳng thật có thì sao lại có tướng chẳng thật có? Cho nên phải biết thể của tịnh tâm chẳng thể dùng (suy nghĩ) mà biết, chẳng thể dùng lời lẽ mà nói. Vì sao? Vì ngoài tịnh tâm không có một pháp nào khác. Nếu ngoài tâm không có pháp thì có gì có thể duyên, có thể nói tâm này? Cho nên phải biết, nếu có (có thể) duyên hay (có thể) nói thì chỉ là là luống dối chẳng thật, cho nên có khảo thật vô. Năng duyên đã chẳng thật thì sở duyên làm sao là thật. Năng duyên sở duyên đều chẳng thật, tịnh tâm đã là thật pháp chẳng cần dùng duyên lực cũng biết được. Ví như mắt chẳng tự thấy vì ngoài mắt này lại có mắt khác để thấy mắt này, tức có hai mắt mình, người. Tâm thì chẳng phải như thế, chỉ là như một, như ngoài không có pháp. Lại còn tịnh tâm chẳng tự phân biệt thì sao có thể phân biệt tâm này ư? Mà các phàm lằm phân biệt tịnh tâm, tức như người ngu mở lớn mắt mình tìm thấy mắt mình, lại gọi các thứ tướng mạo là của mắt mình, chẳng biết chỗ mắt mình. Cho nên phải biết, có năng duyên sở duyên chỉ là tịnh tâm của mình bị vọng tướng vô thí huân tập nên chẳng thể tự biết tánh mình, liền vọng sinh phân biệt, ở ngoài tâm mình mà lập ra tướng tịnh tâm, lại dùng vọng tướng mà giữ cho là tịnh tâm. Khảo thật mà nói thì tướng giữ lấy chính là tướng của thức thật chẳng phải là tịnh tâm.

Hỏi: Thể của tịnh tâm đã chẳng thể phân biệt như các chúng sinh, v.v... vì sao thuận theo mà được vào? Đáp: Nếu biết tất cả vọng

niệm phân biệt thể là tịnh tâm chỉ vì phân biệt chẳng dứt, gọi là trái lý. Nghĩ thế rồi phải quán tất cả các pháp, tất cả duyên niệm có tức chẳng phải thật có, nên gọi là thuận theo tu tập lâu dần, nếu lìa phân biệt gọi là được vào, tức là lìa tướng thể mà chứng chân như. Đây là nói đệ nhất lìa tướng để nói về thể trạng đã xong.

2. Nói chẳng phải một chẳng phải khác mà nói về thể trạng. Từ trước tuy nói tịnh tâm lìa tất cả phân biệt và tướng cảnh giới. Nhưng các tướng này lại chẳng khác tịnh tâm. Vì sao? Vì thể của tâm này tuy là bình đẳng nhưng vốn đủ cả hai dụng tịnh nhiễm, lại vì năng lực huân tập của vọng tưởng vô minh từ vô thủy, cho nên tâm thể bị nhiễm dụng nương huân mà hiển hiện các tướng vô minh luống dối này, thể chỉ là tịnh tâm. Cho nên nói chẳng khác. Lại chẳng phải một, vì sao? Vì thể của tịnh tâm tuy hai dụng có nhiễm, tịnh nhưng không có hai tánh khác nhau, mà một vị bình đẳng, chỉ nương sức huân mà hiện tướng luống dối, khác nhau chẳng đồng. Song tướng luống dối này có sinh có diệt, mà thể của tịnh tâm thường không sinh diệt, thường hằng chẳng biến đổi, nên nói là chẳng phải một. Ở đây nói chẳng phải một chẳng phải khác để nói về thể trạng đã xong.

3. Nói hai thứ Như Lai tạng mà nói về thể trạng. Một là không Như Lai tạng. Vì sao gọi là không? Vì tâm tánh này tuy là duyên khởi kiến lập các pháp sinh tử Niết-bàn trái thuận, v.v... mà tâm thể lại bình đẳng dứt hết tướng nhiễm tịnh, chẳng phải ngay tâm thể tự tánh bình đẳng mà khởi, các pháp nhiễm tịnh v.v... cũng lại tánh tự chẳng thật có. Như ôm cây đọt thỏ, thể thỏ là không, chỉ gia thêm năng lực huyễn nên dường như thỏ hiện, thỏ hiện kia, có tức chẳng thật có. Tâm cũng giống như thế. Chỉ vì hai nghiệp nhiễm tịnh sức huyễn đã huân nên hai pháp dường như nhiễm, dường như tịnh hiện ra. Nếu dùng tâm mà trông một pháp ấy thì pháp ấy chẳng thật có, cho nên kinh nói: trôi lăn tức sinh tử, chẳng trôi lăn là Niết-bàn, sinh tử và Niết-bàn. cả hai chẳng thật có. Lại kinh nói: Năm Ấm như huyễn cho đến Đại Bát Niết-bàn cũng như huyễn, nếu có pháp hơn Niết-bàn, thì ta cũng nói nó như huyễn. Lại kinh chép: Tất cả không có Niết-bàn, không có Niết-bàn Phật, không có Phật Niết-bàn, xa lìa giác, sở giác, hoặc có hoặc không có, cả hai thứ đều lìa. Đây đều là văn kinh y cứ tâm thể bình đẳng, vì mất hai dụng nhiễm tịnh, tâm tánh đã vắng lặng. Cho nên tâm thể không tịnh, vì nhân duyên ấy nên gọi tâm thể này là Không Như Lai tạng, chẳng phải gọi là tâm thể không vô. Hỏi: chư Phật thể chứng tịnh tâm nên tâm thể bình đẳng. Cho nên Phật cũng dụng mà thường tịch nói là chẳng

thật có, chúng sinh chưa chứng lý, hiện có sáu đường khác nhau. Sao lại nói là không? Đáp: Chân trí chân chiếu, còn dụng tức thường tịch, nên nói đó là không, hướng chi mê tối vọng thấy sao được chẳng có, có tức chẳng phải có. Hỏi: Đã nói chẳng thật có, đâu được có mê vọng này? Đáp: Đã chẳng thật có mà vọng thấy có, làm sao chẳng không mê được, mà (chợt) khởi mê, nên ở đây mà dụ hoa đốm. Hỏi: Các nhiệm pháp khác có thể nói chẳng thật có, còn vô minh đã là nhân nhiệm vì sao lại không? Đáp: Tỷ quả hai thứ vô minh vốn không có tự thể, chỉ lấy tịnh tâm làm thể, chỉ do huân tập nhân duyên nên có dụng mê. Vì xưa tâm nhiếp dụng tức chẳng thật có, chỉ là một tâm, như giống lúa thóc vốn không có tự thể, chỉ lấy bụi cát làm thể, chỉ vì hạt giống nhân duyên, cho nên có dụng lúa thóc vì trần đã thấu, dụng chẳng thật có, chỉ là vi trần, vô minh cũng thế, có tức chẳng thật có. Hỏi: Đã nói huân tập nhân duyên cho nên có dụng của mê phải lấy pháp năng huân để làm thể vô minh, vì sao lại lấy tịnh tâm làm thể? Đáp: Năng huân tuy là huân cái khác khiến khởi mà tức niệm niệm tự diệt, đâu được làm thể sở khởi ư? Như tợ mạch tử (giống hạt lúa) chỉ sinh ra quả, thể tự nó thúi nát mà trở về với vi trần (cát bụi) đâu được mùa xuân gieo hạt mà mùa thu gặt hái. Nếu được như thế là lúa thóc ở kiếp sơ, nay vẫn ở quá khứ. Vô minh cũng giống như thế, chỉ năng huân khởi niệm sau vô minh, chẳng được tự thể bất diệt, tức làm niệm sau vô minh. Nếu được như thế thì vô minh tức là thường pháp chẳng phải niệm, niệm diệt thì chẳng phải thường. Tức biết lửa đèn trước sau do tướng nhân duyên mà khởi, mà thể chỉ là tịnh tâm. Cho nên dùng tâm gồm thấu, có tức chẳng thật có. Có ấy chẳng thật có nên gọi tịnh tâm này là Không Như Lai tạng. Hỏi: Quả (là trái thời) vô minh và vọng tưởng là một hay khác, Tử (là hạt) thời vô minh và nghiệp thức là một hay khác? Đáp: Chẳng phải một, chẳng phải khác. Vì sao? Vì tịnh tâm chẳng giác, động không thì chẳng giác tức chẳng động. Lại nữa, nếu không có vô minh tức không có nghiệp thức. Lại nữa, động và chẳng giác hòa hợp cùng khởi, chẳng thể phân biệt, cho nên tử thời vô minh chẳng khác với nghiệp thức. Đây là tử thời vô minh và nghiệp thức chẳng phải một chẳng phải khác. Vô minh là nghĩa chẳng hiểu rõ, từ tử thời vô minh sinh, tức lấy tử thời vô minh kia làm nhân. Vọng tưởng là nghĩa sóng sinh phân biệt, từ nghiệp thức khởi, tức lấy nghiệp thức ấy làm nhân, cho nên vô minh vọng tưởng chẳng phải một. Lại vì ý thức chẳng hiểu rõ cảnh luống dối, tức vọng sinh phân biệt. Nếu hiểu rõ luống dối tức chẳng sinh vọng chấp phân biệt. Lại nếu không có vô minh thì không có vọng tưởng, nếu không có

vọng tưởng thì cũng không có vô minh. Lại hai pháp hòa hợp cùng khởi chẳng thể phân biệt, cho nên chẳng khác. Đây là quả thời vô minh cùng vọng tưởng chẳng phải một chẳng phải khác. Vì nghĩa đó nên hai thứ vô minh là thể, nghiệp thức vọng tưởng là dụng, hai thứ vô minh làm nhân quả lẫn nhau. Nếu tử quả vô minh làm nhân lẫn nhau tức là nhân duyên. Vọng tưởng và nghiệp thức làm nhân lẫn nhau thì cũng là nhân duyên. Nếu tử thời vô minh khởi vọng tưởng thì cũng là duyên tăng thượng, quả thời vô minh khởi vọng tưởng thì cũng là duyên tăng thượng. Từ trên nói Không Như Lai tạng đã xong. Kế là nói hai là Bất Không Như Lai tạng, trong đó có hai thứ khác nhau: Một là nói đủ hai pháp nhiệm tịnh để nói Bất không; hai là nói Tạng thể một khác để giải thích thật có. Một là nói có hai pháp nhiệm tịnh, trước nói tịnh, kế nói nhiệm. Trong nói tịnh lại có hai: Một là nói đầy đủ pháp vô lậu tánh công đức; hai là nói đầy đủ xuất chướng tịnh pháp.

1. Nói đầy đủ tánh công đức vô lậu, tức tâm tịnh này tuy bình đẳng một vị, thể không khác nhau, nhưng lại có Hằng hà sa số pháp tánh công đức vô lậu. Đó là nghĩa tự tánh có trí tuệ ánh sáng rực rỡ, nghĩa là hiểu biết chân thật, nghĩa là thường lạc ngã tịnh, vô lượng vô biên pháp tánh thanh tịnh như thế nhưng chỉ là một tâm có đủ như luận Khởi Tín đã nói rộng. Tịnh tâm có đủ pháp tánh thanh tịnh này, nên gọi là Bất không.

2. Nói đủ xuất chướng tịnh đức, tức tịnh tâm này thể nó có đủ công đức tánh tịnh, cho nên huân nêu đức dụng đều hiển hiện. Nghĩa này là sao, vì nhân địa gia hạnh Bát-nhã trí nghiệp huân ba thứ trí tánh khiến khởi dụng hiển hiện, tức là Như Lai quả đức ba thứ trí tuệ rộng lớn. Lại dùng nhân địa tất cả chủng hạnh như năm Ba-la-mật, v.v... mà huân tánh tướng tốt khiến khởi dụng hiển hiện tức là quả báo tướng tốt của Như Lai. Nhưng pháp quả đức này tuy có tướng khác mà thể là mười tám tâm. Tâm thể có đủ đức này nên gọi là Bất không, chẳng phải ở tâm thể bình đẳng chẳng phải không và Bất không. Hỏi: Huân được tịnh nghiệp là từ tâm khởi hay ngoài tâm có tịnh pháp mà làm năng huân? Đáp: Năng huân đều là một tâm làm ra. Nghĩa này thế nào, đó là nói nghe giáo pháp đều là tâm chư Phật, Bồ-tát làm ra, tâm chư Phật, tâm Bồ-tát, tâm chúng sinh là một, giáo pháp tức chẳng ở ngoài tâm. Lại dùng giáo này mà huân tâm giải tánh, tánh y giáo huân mà khởi dụng giải, cho nên giải là tâm làm vì giải, huân tâm thành tánh, tánh nương giải huân mà khởi dụng hạnh, cho nên hạnh lại là tâm làm. Vì hạnh huân tâm quả tánh, tánh nương hạnh huân mà khởi quả đức, cho nên quả lại

là một tâm làm. Nói theo đây thì một tâm là giáo, cho đến một tâm là quả, không còn có pháp khác. Vì nghĩa này nên tâm thể khi ở phàm thì vốn đủ tánh giải hạnh quả đức, chỉ vì chưa được huân bởi chân như dụng pháp của chư Phật nên giải v.v... chưa hiển bày dụng. Nếu vốn không có các tánh, như giải, v.v... thì dầu có huân, đức dụng chẳng bao giờ hiển hiện. Như thế cũng như vàng vốn có tánh đồ vật chưa trao đổi cho đến có tánh thành đồ vật khéo léo. Chỉ vì chưa được rèn đúc gia công, nếu gia công rồi thì sự khéo léo thứ lớp liền hiện. Nếu vàng chẳng có tánh khéo léo thì gia công thế mấy cũng không thành. Như đào cát tìm dầu, đục băng tìm lửa, chẳng bao giờ thành vì không có tánh ấy. Cho nên luận nói: Nếu chúng sinh không có Phật tánh thì dầu tu đạo cũng không thể thành Phật. Vì nghĩa ấy nên tịnh tâm làm thể, vốn có tánh nhân hạnh quả đức, y vào tánh này nên khởi đức nhân quả. Cho nên đức này chỉ là một tâm làm thể. Một tâm có tịnh đức này, nên dùng tâm này làm Bất Không Như Lai Tạng. Kế nói đầy đủ pháp nhiệm, trong đó lại có hai: Một là nói đầy đủ tánh nhiệm; hai là nói đầy đủ việc nhiệm.

1. Nói đầy đủ tánh nhiệm: Tâm này tuy là bình đẳng lia tướng mà lại đầy đủ tất cả tánh của pháp nhiệm, có công năng sinh ra sinh tử, làm cho sinh tử, cho nên kinh chép: Tâm tánh là một, vì sao hay sinh các thứ quả báo, tức là sinh ra sinh tử. Kinh lại chép: Tức là Pháp thân trời lẫn năm đấng nên gọi là chúng sinh, tức là làm cho sinh tử. Hỏi: Nếu tâm thể vốn có tánh nhiệm thì chẳng thể chuyển phàm thành Thánh phải không? Đáp: Tâm thể nếu chỉ có tánh nhiệm thì chẳng thể được chuyển phàm thành Thánh. Đã đều có hai tánh nhiệm, tịnh vì sao chẳng thể chuyển phàm thành Thánh được. Hỏi: Dụng của phàm Thánh đã chẳng được đồng khởi, tánh nhiệm tịnh đâu được cùng có? Đáp: Tâm thể mỗi chúng sinh, tâm thể mỗi Đức Phật vốn có đủ hai tánh mà không có tướng khác nhau. Một vị bình đẳng, xưa nay chẳng hoại, chỉ vì nghiệp nhiễm huân nhiễm tánh thì tướng sinh tử hiển hiện, tịnh nghiệp huân tịnh tánh nên dụng Niết-bàn hiển hiện. Nhưng mỗi chúng sinh tâm thể này khi y huân làm sinh tử mà chẳng ngại thể có khả năng tịnh tánh, tâm thể mỗi Đức Phật khi y huân làm Niết-bàn mà chẳng ngại thể có dụng tánh nhiệm, vì nghĩa đó, nên mỗi chúng sinh, mỗi Đức Phật đều có hai tánh nhiệm tịnh. Pháp giới pháp nhĩ chưa hề chẳng có, chỉ nương vào sức huân mà khởi dụng trước sau chẳng đều, ấy vì nhiễm huân nên gọi là chuyển phàm, còn tịnh nghiệp khởi nên nói thành Thánh. Nhưng tâm thể hai tánh thật không thành hoại, cho nên nói theo tánh thì nhiễm tịnh đều có, nói theo bốn huân cho nên phàm Thánh khác nhau, vì thể

kinh chép: Trong pháp thanh tịnh chẳng thấy có một pháp nào thêm, tức là vốn có tánh tịnh, chẳng phải mới có, trong pháp phiền não chẳng thấy có một pháp nào bớt, tức là vốn có tánh nhiễm, chẳng thể diệt mất. Nhưng nương vào nhân duyên đối trị thanh tịnh Bát-nhã chuyển thắng hiện tiền, tức là tịnh nghiệp huân cho nên thành Thánh, phiền não vọng tưởng cùng tận ở đây tức là nghiệp nhiễm dứt, cho nên chuyển phàm. Hỏi: Nghiệp nhiễm từ vô thủy vốn có, làm sao diệt được, tịnh nghiệp vốn không, làm sao mà không được? Đáp: Được chư Phật, Như Lai dụng nghĩa huân tâm nên tịnh nghiệp được khởi, tịnh có công năng trừ nhiễm cho nên nghiệp nhiễm liền diệt. Hỏi: Hai nghiệp nhiễm tịnh đều y tâm tánh mà khởi, lại huân vào tâm, đã cùng nương tánh mà khởi làm sao trừ nhau được? Đáp: Nghiệp nhiễm tuy nương tâm tánh khởi lên nhưng thường trái với tâm. Tịnh nghiệp cũng nương tâm tánh mà khởi nhưng thường thuận theo tâm. Trái có nghĩa diệt lìa nên bị trừ sạch, thuận có tướng giúp đỡ nên trừ được nhiễm. Pháp giới pháp nhĩ có dung trừ nhau, đâu có gì đáng nghi. Hỏi: Tâm thể tịnh tánh làm khởi tịnh nghiệp, lại huân vào tâm tánh tịnh, tâm thể nhiễm tánh làm khởi nghiệp nhiễm lại huân vào tâm tánh nhiễm. Cho nên chính có thể nghiệp nhiễm cùng tịnh tánh chẳng huân nhau sinh nhau, nên nói là trái nhau. Nghiệp nhiễm và tánh nhiễm sinh nhau, huân nhau, nên gọi là thuận nhau, tức chẳng thể diệt, do trái với tịnh tánh nên được diệt. Tịnh nghiệp tuy thuận với tịnh tánh nhưng do trái với nhiễm tánh nên cũng có thể trừ được. Nếu hai thứ đều có nghĩa trái nên cả hai đều có nghĩa diệt lìa mà còn trừ sạch nhiễm. Hai thứ đều có nghĩa thuận nên đều có công năng giúp nhau, lại được còn nhiễm mà bỏ tịnh. Đáp rằng: Ta lập nghĩa chẳng như thế, vì sao lại hỏi điều này. Ta nên tịnh nghiệp thuận tâm, nên tâm thể tịnh tánh tức là thuận bổn. Nghiệp nhiễm trái tâm cho nên tâm thể nhiễm tánh tức là trái bổn. Nếu nói riêng về tâm thể thì trái thuận bình đẳng, chỉ thuận bổn khởi. tịnh tức thuận tịnh tâm thể chẳng hai. Cho nên có tướng năng giúp nhau. Trái bổn khởi nhiễm liền trái lý, chân như bình đẳng nên có nghĩa diệt lìa.

Tâm này tuy là bình đẳng lìa tướng mà lại đầy đủ tất cả tánh của pháp nhiễm, sinh ra sinh tử, làm cho sinh tử. Cho nên kinh nói: Tâm tánh là một, vì sao sinh ra các thứ quả báo, tức là sinh ra sinh tử. Kinh lại chép: Tức là Pháp thân trôi lăn năm đường nên gọi là chúng sinh, tức là làm cho sinh tử. Hỏi: Nếu tâm thể vốn có tánh nhiễm thì chẳng thể chuyển phàm thành Thánh. Đáp: Nếu tâm thể chỉ có tánh nhiễm thì chẳng thể chuyển phàm thành Thánh được. Đã có đủ hai tánh nhiễm

tịnh vì sao chẳng chuyển phàm thành Thánh được? Hỏi: Dung của phàm Thánh đã chẳng được đồng khởi, tánh nhiễm tịnh đâu được cùng có? Đáp: Tâm thể mỗi chúng sinh, tâm thể mỗi Đức Phật vốn có đủ hai tánh mà không có tướng khác nhau. Một vị bình đẳng xưa nay chẳng hoại. Chỉ vì nghiệp nhiễm huân nhiễm tánh thì tướng sinh tử hiển hiện, tịnh nghiệp huân tịnh tánh, tức dụng Niết-bàn hiển hiện. Nhưng tâm thể mỗi chúng sinh này khi nương huân làm cho sinh tử mà chẳng ngại thể có công năng tịnh tánh, tâm thể mỗi Đức Phật khi nương huân làm Niết-bàn mà chẳng ngại thể có dụng của tánh nhiễm. Vì nghĩa đó, nên mỗi chúng sinh, mỗi Đức Phật đều có hai tánh nhiễm tịnh. Pháp giới pháp nhĩ chưa hề chẳng có, chỉ nương vào năng lực huân tập mà khởi dụng, trước sau chẳng đều, ấy là vì nhiễm huân nên gọi là chuyển phàm, còn tịnh nghiệp khởi nên nói thành Thánh. Nhưng tâm thể hai tánh thật không có thành hoại. Cho nên nói theo tánh thì nhiễm tịnh đều đủ. Nói theo huân tập thì phàm Thánh khác nhau, cho nên kinh chép: Trong pháp thanh tịnh chẳng thấy có một pháp thêm, tức là vốn có tánh tịnh, không phải mới có, trong pháp phiền não chẳng thấy có một pháp nào bớt, tức là vốn có tánh nhiễm chẳng thể diệt mất. Nhưng nương nhân duyên đối trị thanh tịnh Bát-nhã chuyển thắng hiện tiền, tức là nghiệp tịnh huân tập cho nên thành Thánh, phiền não vọng tưởng dứt, ở đây tức là nghiệp nhiễm dứt cho nên chuyển phàm. Hỏi: Nghiệp nhiễm từ vô thủy vốn có, do đâu mà diệt được, tịnh nghiệp vốn không, do đâu mà khởi được? Đáp: Được chư Phật, Như Lai dụng nghĩa huân tâm, nên tịnh nghiệp được khởi, tịnh có công năng trừ nhiễm nên nghiệp nhiễm liền diệt. Hỏi: Hai nghiệp nhiễm tịnh đều nương tâm tánh mà khởi, lại huân vào tâm, đã cùng nương tánh mà khởi làm sao trừ nhau được? Đáp: Nghiệp nhiễm tuy nương tâm tánh mà khởi nhưng thường trái tâm. Tịnh nghiệp cũng nương tâm tánh mà khởi nhưng thường thuận tâm. Trái có nghĩa diệt lìa, nên bị trừ sạch, thuận có tướng giúp đỡ nên trừ được nhiễm. Pháp giới pháp nhĩ có dung trừ nhau đâu đáng sinh nghi. Hỏi: Tâm thể tịnh tánh sinh khởi tịnh nghiệp, lại huân vào tâm tịnh tánh, tâm thể nhiễm tánh làm khởi nghiệp nhiễm, lại huân vào tâm nhiễm tánh. Cho nên chính vì nghiệp nhiễm chẳng huân với tịnh tánh sinh nhau, nên nói là trái nhau. Nghiệp nhiễm cùng nhiễm tánh sinh nhau, huân nhau, nên gọi là thuận nhau, tức chẳng thể diệt. Nếu nghiệp nhiễm thuận với tánh nhiễm, do trái với tánh tịnh nên được diệt. Tịnh nghiệp tuy thuận với tánh tịnh nhưng vì trái với tánh nhiễm nên cũng được trừ. Nếu hai thứ đều có nghĩa trái nên cả hai đều có nghĩa diệt lìa mà còn được trừ

sạch nhiễm. Vì hai thứ đều có nghĩa thuận nên đều có công năng giúp nhau, lại được còn nhiễm mà bỏ tịnh. Đáp rằng: Ta lập nghĩa chẳng thể, vì sao lại hỏi điều này. Ta nói tịnh nghiệp thuận tâm, nên tâm thể tịnh tánh tức là thuận bổn, nghiệp nhiễm trái tâm cho nên tâm thể nhiễm tánh tức là trái bổn. Nếu nói riêng về tâm thể thì trái thuận bình đẳng, chỉ thuận bổn khởi, tịnh là thuận tịnh, tâm thể chẳng hai. Cho nên có tướng giúp nhau, trái bổn khởi nhiễm liền trái lý chân như bình đẳng, cho nên có nghĩa diệt lìa.